

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 1A

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn
trên địa bàn xã Trần Phú tính đến ngày 30/5/2026**

(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng	10.010		35.264	2.499		42	37	
I	ĐỐI VỚI XÃ TRẦN PHÚ								
1	Lầu Khê	300	75,00	1.139	109,7	Địa bàn nằm trên bãi bồi sông Thái Bình, bị chia cắt với các thôn khác khi mùa lũ lên vào khoảng từ tháng 6 đến tháng 10 hàng năm	2	1	
2	Cát Khê	266	66,5	880	101,7		2	1	
3	Kính Dương	577	144,25	1.987	165,8		2	2	
4	Đại Lã	424	106	1480	110,3		2	2	
5	Kim Độ Làng	494	123,5	1.757	102,6		2	2	
6	Kim Độ Trại	232	58	821	89,3		2	1	
7	Bịch Đông	464	116	1449	102,74		2	2	
8	Bịch Tây	325	81,25	1076	100,56		2	2	
9	Hoàng Xá	326	81,5	1011	103,28		2	2	

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn/ tổ dân phố	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn/tổ dân phố	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9
10	An Thượng	429	107,25	1348	118,60		2	2	
11	Thượng Dương	565	141,25	1920	103,30		2	2	
12	Mạn Đề	1.145	286,25	3988	215,60		2	2	
13	Thụy Trà	298	74,5	1036	78,22		2	1	
14	An Xá	1371	342,75	5210	332,70		2	2	
15	Đông Thôn	471	117,75	1631	105,60		2	2	
16	Trực Trì	473	118,25	1687	101,90		2	2	
17	Lương Gián	267	66,75	984	78,60		2	1	
18	Linh Khê	450	112,5	1601	99,2		2	2	
20	Tổng Xá	381	95,25	1430	96,5		2	2	
19	Tông Phố	371	92,75	1406	92,7		2	2	
21	Lê Hà	381	95,25	1423	90,1		2	2	

Ghi chú : Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 1A

Tổng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn
trên địa bàn xã Trần Phú

(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn/ tổ dân phố hiện có				Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%		Từ 100% trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Trần Phú	10.010	35.264	1.728	21	0	3	7	11	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn, trên địa bàn xã Trần Phú

(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Lầu Khê														
1	Đặng Đức Đoàn			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1				1	
2	Phan Văn Trung			1	Trưởng thôn			1						1	
II	Thôn Cát Khê														
1	Nguyễn Văn Luyện			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1				1	
2	Phạm Văn Anh			1	Trưởng thôn			1						1	
III	Thôn Kinh Dương														
1	Lê Văn Trường			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1				1	
2	Trịnh Bá Khuy			1	Trưởng thôn				1					1	
IV	Thôn Đại Lã														
1	Nguyễn Đình Quảng			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận			1				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Nguyễn Đình Lộc			1	Trưởng thôn				1					1	
V	Thôn Kim Độ làng														
1	Nguyễn Văn Quý			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận				1					1	
2	Phạm Văn Lưu			1	Trưởng thôn					1				1	
VI	Thôn Kim Độ trại														
1	Lê Văn Đoàn			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận				1					1	
2	Lê Quang Vinh			1	Trưởng thôn					1				1	
VII	Thôn Bạch Đông														
1	Ngô Bá Cường			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1		1			
2	Lại Lại Lân			1	Trưởng thôn				1					1	
VIII	Thôn Bạch Tây														
1	Nguyễn Xuân Nghị			1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn					1				1	
2	Trần Thế Lùng			1	Trưởng ban công tác mặt trận				1					1	
IX	Thôn Hoàng Xá														
1	Đình Văn Cẩn			1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn					1				1	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trần Phong			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1			1		
2	Lương Quang Quyền			1	Trưởng thôn				1			1			
XX	Thôn Tông Phố														
1	Dương Đình Quý			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận					1				1	
2	Dương Đình Châm			1	Trưởng thôn					1				1	
XXI	Thôn Lê Hà														
1	Lương Quang Thế			1	Bí thư chi bộ kiêm Công tác mặt trận			1				1			
2	Nguyễn Văn Dũng			1	Trưởng thôn			1						1	
	Tổng số		5	42	0	0	0	10	11	21	0	6	6	30	

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3A phải thống nhất với số lượng tại cột số 07 Phụ lục số 1A

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã Trần Phú

(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	Thôn Lầu Khê														
6	Phan Văn Trung			1	Thôn Đội trưởng			1						1	
II	Thôn Cát Khê														
6	Phạm Văn Anh			1	Thôn Đội trưởng				1				1		
III	Thôn Kinh Dương														
1	Nguyễn Đình Nhất			1	Phó Trưởng thôn					1				1	
7	Nguyễn Thành Long			1	Thôn Đội trưởng				1					1	
IV	Thôn Đại Lã														
1	Trần Đăng Hùng			1	Phó Trưởng thôn				1					1	
7	Trần Đăng Khương			1	Thôn Đội trưởng		1							1	
V	Thôn Kim Độ làng														
1	Phạm Văn Vịnh				Phó Trưởng thôn					1				1	

1	Nguyễn Văn Vách			1	Phó Trưởng thôn				1					1	
7	Nguyễn Trọng Sang			1	Thôn Đội trưởng		1						1		
XIV	<i>Thôn An Xá</i>														
1	Lê Khả Quốc				Phó Trưởng thôn					1				1	
7	Trần Thế Long				Thôn Đội trưởng			1					1		
XV	<i>Thôn Đông Thôn</i>														
1	Vũ Ngọc Khuê			1	Phó Trưởng thôn				1					1	
7	Vũ Đình Cù				Thôn Đội trưởng					1				1	
XVI	<i>Thôn Trục Trì</i>														
1	Trần Văn Định			1	Phó Trưởng thôn					1				1	
7	Trần Văn Đạt				Thôn Đội trưởng		1							1	
XVII	<i>Thôn Lương Gián</i>														
6	Nguyễn Thanh Bình				Thôn đội trưởng					1				1	
XVIII	<i>Thôn Tống Xá</i>														
1	Dương Định Phong			1	Phó Trưởng thôn			1						1	
7	Lương Quang Trường			1	Thôn đội trưởng			1					1		
XIX	<i>Thôn Linh Khê</i>														
1	Trần Thị Ngà		1	1	Phó Trưởng thôn			1						1	
7	Lương Quang Huy				Thôn đội trưởng		1							1	
XX	<i>Thôn Tông Phố</i>														
1	Lâm Phúc Đoàn			1	Phó Trưởng thôn					1				1	

7	Vũ Trí Mùa			1	Thôn đội trưởng				1					1	
<i>XXI</i>	<i>Thôn Lê Hà</i>														
1	Lê Văn Hữu			1	Phó Trưởng thôn					1				1	
7	Nguyễn Văn Dũng			1	Thôn đội trưởng				1					1	
	Tổng số		2	26		0	5	9	12	12	0	1	4	33	

Lưu ý: Số lượng người trong danh sách tại Phụ lục số 3B phải thống nhất với số lượng tại cột số 08 Phụ lục số 1A

PHỤ LỤC 4

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
ĐỐI VỚI XÃ TRẦN PHÚ: Thực hiện sắp xếp 16 thôn thành 07 thôn mới đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 9 thôn											
1	Lầu Khê	300	1.139	109,7	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Kim Độ làng với thôn Kim Độ trại và thôn Lầu Khê để thành lập Thôn Kim Khê	1026	3717	301,60	03 Nhà văn hóa	03 thôn có quy mô từ dưới 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	256,50
	Kim Độ Làng	494	1.757	102,6							
	Kim Độ Trại	232	821	89,3							
2	Cát Khê	266	880	101,7	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Kinh Dương với thôn Cát Khê để thành lập Thôn Cát Dương	843	2.867	267,50	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	210,75
	Kinh Dương	577	1.987	165,8							
3	Bạch Đông	464	1454	102,74	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bạch Đông với thôn Bạch Tây để thành lập Thôn Kim Bạch	789	2.523	203,30	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ trên 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	197,25
	Bạch Tây	325	1069	100,56							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Hoàng Xá	326	1014	103,28	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hoàng Xá với thôn An Thượng để thành lập Thôn An Hoàng	755	2.392	221,88	03 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ trên 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	188,75
	An Thượng	429	1378	118,60							
5	Mạn Đề	1.145	3981	215,60	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mạn Đề với thôn Thụy Trà để thành lập Thôn Mạn Trà	1443	5.022	293,82	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ trên 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	360,75
	Thụy Trà	298	1041	78,22							
6	Lương Gián	267	975	78,60	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Lương Gián với thôn Trục Lương	740	2.662	180,50	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	185,00
	Trục Trì	473	1687	101,90							
7	Tông Phó	371	1410	92,7	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tông Phó với thôn Lê Hà, Tông Xá để thành lập Thôn Thanh Quang	1133	4239	279,30	02 Nhà văn hóa	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ dưới 70% đến trên 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	283,25
	Tông Xá	381	1406	96,5							
	Lê Hà	381	1423	90,1							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3		4	6	7	8	9	10	11	12
8	Đại Lã	424	1480	110,3	Giữ nguyên	424	1480	110,30	01 Nhà văn hoá	Quy mô dân số đảm bảo theo quy định	106,00
9	Thượng Dương	565	1920	103,30	Giữ nguyên	565	1920	103,30	01 Nhà văn hoá	Quy mô dân số đảm bảo theo quy định	141,25
10	An Xá	1371	5210	332,70	Giữ nguyên	1371	5210	332,70	01 Nhà văn hoá	Quy mô dân số đảm bảo theo quy định	324,25
11	Đông Thôn	471	1631	105,60	Giữ nguyên	471	1631	105,60	01 Nhà văn hoá	Quy mô dân số đảm bảo theo quy định	117,75
12	Linh Khê	450	1601	99,2	Giữ nguyên	450	1601	99,20	01 Nhà văn hoá	Quy mô dân số đảm bảo theo quy định	112,50

Ghi chú : Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 5
DANH SÁCH THÔN, TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố					Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)	
A	1	2	3	4	5	6	9
1	Thôn số 01						
2	Thôn số 02						
3	Thôn số 03						

Tổng số 0 thôn

Ghi chú: không có

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ

PHỤ LỤC 6A

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Trần Phú
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn, tổ dân phố hiện có	Số thôn/ tổ dân phố tiến hành sắp xếp					Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp					Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn, tổ dân phố chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn, tổ dân phố giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi đư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô				Tổng số	Trong đó quy mô				Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên						
				Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên		Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Trần Phú	21	16	0	3	7	6	12	0	0	0	12	5	2	0	0	9	11	0	Không đôi đư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	Số người trực tiếp đề nghị tiếp tục bố trí tại các thôn mới

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ**

**PHỤ LỤC 6B
TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN/ TỔ DÂN PHỐ KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN
SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /05/2026 của UBND)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sáp nhập	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Thôn 1										
	Thôn 2										

Tổng số 0 tổ dân phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẦN PHÚ**

PHỤ LỤC 7

Tổng hợp thực trạng, phương án xử lý, bố trí trụ sở nhà văn hóa, khu thể thao sau sắp xếp thôn trên địa bàn xã Trần Phú
(Kèm theo Dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Trần Phú)

TT	Tên thôn, tổ dân phố	Thuộc phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố	Tổng số nhà văn hóa và khu thể thao hiện có			Số lượng dôi dư sau sắp xếp			Phương án xử lý, bố trí			Thuyết minh phương án xử lý, bố trí	Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
A		B	2	3	5	2			12	13	14	19	20
1	Lầu Khê	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Kim Độ làng với thôn Kim Độ trại và thôn Lầu Khê để thành lập Thôn Kim Khê	5	3	2	3	2	1	3	0	0	Tiếp tục sử dụng, từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Kim Độ Làng												
	Kim Độ Trại												
2	Cát Khê	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Kinh Dương với thôn Cát Khê để thành lập Thôn Cát Dương	4	2	2	2	1	1	2	0	0	Từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Kinh Dương												
3	Bạch Đông	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bạch Đông với thôn Bạch Tây để thành lập Thôn Kim Bạch	4	2	2	2	1	1	2	0	0	Tiếp tục sử dụng, từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Bạch Tây												
4	Hoàng Xá	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Hoàng Xá với thôn An Thượng để thành lập Thôn An Hoàng	5	3	2	3	2	1	3	0	0	Từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	An Thượng												

5	Mạn Đê	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Mạn Đê với thôn Thụy Trà để thành lập Thôn Mạn Trà	4	2	2	2	1	1	2	0	0	Từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Thụy Trà												
6	Lương Gián	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Lương Gián với thôn Trực Lương	2	2	0	1	1	0	1	0	0	Từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Trực Trì												
7	Tông Phố	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Tông Phố với thôn Lê Hà, Tông Xá để thành lập Thôn Hà Phố	3	3	0	2	2	0	2	0	0	Từng bước nâng cấp phục vụ hội họp	
	Tông Xá												
	Lê Hà												
			27	17	10	15	10	5	15				